

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

A- PHẦN SỐ LIỆU

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp NS phí, lệ phí				
1	Số thu phí và lệ phí	215	296,08	137,71	167,83
	- Phí, lệ phí kinh doanh thương mại có điều kiện	29	24,60	84,83	60,29
	- Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	150	240,42	160,28	213,86
	- Phí thẩm định cấp Giấy phép hoạt động điện lực	3	8,90	296,67	1.112,50
	- Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	8	8,75	109,38	125,00
	- Phí thẩm định cấp giấy CN đủ điều kiện ATTP	20	11,01	55,05	110,10
	- Phí thẩm định cấp giấy CN đủ điều kiện sản xuất, KD hóa chất	5	2,40	48,00	44,44
2	Số phí, lệ phí nộp NSNN	35	40,55	115,86	115,99
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại	180	143,67	79,82	223,08
	- 40% trên số thu để lại cải cách tiền lương	72	102,21	141,96	180,64
	- Chi phục vụ công tác thu phí, lệ phí	108	41,46	38,39	530,18
II	Dự toán chi ngân sách Nhà nước	10.403,1	3.978,3	38,2	124,65
1	Chi QL hành chính: Loại 340 khoản 341	6.207,5	2.854,7	45,99	117,14
	- Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.829	2.597,3	44,56	108,70
	- Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	378,5	257,4	68,01	540,53
2	Chi giáo dục, đào tạo, dạy nghề	403	210	52,01	55,16
2.1	Chi đào tạo nghề trung cấp: Loại 070 khoản 092	376	188	50,00	50,40
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	376	188,0	50,00	50,40
2.2	Chi đào tạo, bồi dưỡng CBCC: Loại 070 khoản 085	27	21,6	80,00	308,57
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	27	21,6	80,00	308,57

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2019	Thực hiện 6 tháng đầu năm 2019	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
3	Chi sự nghiệp ngành Công Thương	3.592,6	914,0	37,91	244,01
3.1	Sự nghiệp công nghiệp: Loại 280 khoản 309	1.841	697,7	37,91	186,27
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.840,6	697,70	37,91	186,27
3.2	Sự nghiệp Thương mại: Loại 280 khoản 321	1.752	216,3	12,35	60,25
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.752	216,3	12,35	60,25
4	Vệ sinh an toàn thực phẩm: Loại 130 khoản 134 - CTMTQG 0649	200	-	-	-
	- Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
	- Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	200		-	-

B- PHẦN THUYẾT MINH

1/ Phần thu phí và lệ phí:

- Tổng số thu 6 tháng đầu năm so với dự toán năm đạt 137,71% - Vượt dự toán cả năm
- Tổng số thu 6 tháng đầu năm với cùng kỳ năm trước đạt 167,83% - Cao hơn cùng kỳ năm trước 67,83%

2/ Phần chi ngân sách nhà nước:

- Tổng số chi NSNN 6 tháng đầu năm so với dự toán được giao cả năm đạt 38,2% , so với cùng kỳ năm trước cao hơn 24,65%.
- Chi tiết các khoản chi:
 - + Nguồn QLNN giao tự chủ: Tổng số 2.597,3 triệu đồng, đạt 44,56% so với DT cả năm và cao hơn cùng kỳ năm trước 8,7%, cụ thể:
 - > Tiền lương, tiền công, phụ cấp và các khoản trích nộp: 1.956,3 triệu đồng
 - > Thông tin, tuyên truyền, dịch vụ công cộng, vật tư văn phòng: 147,3 triệu đồng
 - > Xăng xe, công tác phí: 116,3 triệu đồng
 - > Hội nghị, nghiệp vụ chuyên môn, thuê mướn: 25,7 triệu đồng
 - > Mua sắm, sửa chữa TSCĐ: 72,2 triệu đồng
 - > Bảo hiểm 03 xe ô tô và chi khác: 46,9 triệu đồng
 - > Phúc lợi tập thể, thu nhập tăng thêm: 232,6 triệu đồng
 - + Nguồn QLNN không tự chủ: Tổng số 257,4 triệu đồng, đạt 68,01% so với DT cả năm và cao hơn cùng kỳ năm trước 440,53%, cụ thể:
 - > Xăng xe, công tác phí phục vụ Ban chỉ đạo XK tỉnh và Đoàn khảo sát HTX : 21,9 triệu
 - > Chi trả tiền nghỉ hưu trước tuổi cho 02 CBCC: 235,5 triệu đồng

- + Nguồn giáo dục, đào tạo, dạy nghề: Tổng số 209,6 triệu đồng, đạt 52,1% so với DT cả năm và thấp hơn so với cùng kỳ năm trước 44,84%, cụ thể:
 - > Hỗ trợ CBCC tham gia đào tạo nghiệp vụ, QLNN: 21,6 triệu đồng
 - > Chuyển tạm ứng 50% giá trị Hợp đồng đào tạo nghề cho Trường CĐ Công Thương Thái nguyên: 188 triệu đồng
 - + Nguồn sự nghiệp công nghiệp: Tổng số 697,7 triệu đồng, đạt 37,91% so với DT cả năm và cao hơn cùng kỳ năm trước 86,27%, cụ thể:
 - > Phụ cấp làm thêm giờ: 5,1 triệu đồng
 - > Hội nghị, tập huấn: 437,4 triệu đồng
 - > Thông tin, tuyên truyền: 73,7 triệu đồng
 - > Xăng xe, công tác phí: 119,5 triệu đồng
 - > Thuê mướn: 58,3 triệu đồng
 - > Chi khác: 3,7 triệu đồng
 - + Nguồn sự nghiệp Thương mại: Tổng số 216,3 triệu đồng, tương đương 12,35% so với DT cả năm và thấp hơn cùng kỳ năm trước 39,75%, cụ thể:
 - > Chi Hội nghị, tập huấn nghiệp vụ: 178,8 triệu đồng
 - > Thuê mướn, Công tác phí: 8,8 triệu đồng
 - > Mua sắm tài sản phục vụ TM điện tử: 19,8 triệu đồng
 - > Phí kiểm nghiệm vệ sinh ATTP: 7,8 triệu đồng
- Nguồn vệ sinh an toàn thực phẩm 6 tháng đầu năm chưa giải ngân, lý do kinh phí được giao bổ sung tháng 4/2019, hiện nay phòng QL Thương mại đang hướng dẫn các đơn vị triển khai thực hiện./.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Văn Quảng